

ra bằng chứng về việc khiếu nại và trình bày ý kiến của mình về bằng chứng đó, người khiếu nại được nhận văn bản trả lời về việc thụ lý để giải quyết khiếu nại, tiếp cận thông tin, tài liệu của việc giải quyết khiếu nại. Đồng thời họ được khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của luật khiếu nại, tố cáo và pháp luật về tố tụng hành chính.

2. Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu cần quy định: Cá nhân, cơ quan có thẩm quyền trên 1 cấp mới được giải quyết khiếu nại đối với quy định hành chính, hành vi hành chính của cấp dưới. Không để như hiện nay là người đã ra quyết định hành chính lại giải quyết khiếu nại đối với quyết định đó, nên không khách quan, thường bảo thủ. Ví dụ cần quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có thẩm quyền giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, thủ trưởng cơ quan thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện....

3. Một nội dung quan trọng khác cần quy định bổ sung trong luật là: Người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại, thông báo bằng văn bản về việc thụ lý để giải quyết, gửi quyết định giải quyết cho người khiếu nại và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết của mình. Trong trường hợp khiếu nại do cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chuyển đến thì phải thông báo việc giải quyết hoặc kết quả giải quyết cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó theo quy định của luật khiếu nại, tố cáo.

4. Ngoài ra để tạo điều kiện cho người khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính thực hiện được quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án, chúng tôi kiến nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội cần sớm sửa đổi một cách toàn diện pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính với hướng: Mở rộng phạm vi, thẩm quyền xét xử của Tòa án đối với khiếu kiện về quyết định hành chính, hành vi hành chính. Về điều kiện và thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính cần đơn giản và cụ thể hơn để công dân dễ hiểu và thực hiện được kịp thời, đúng đắn ■



Ảnh minh họa

GÓP Ý KIẾN XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Không quy định loại tài sản không phải kê khai là chưa chặt chẽ

LG. ĐỖ VĂN

ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH PHẢI ĐƯỢC ĐẶT "TÊN"

Trong Điều 1 dự án Luật phòng, chống tham nhũng (viết tắt là dự án Luật PCTN) có quy định là: "Luật này quy định về các biện pháp phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý nghiêm người có hành vi tham nhũng, tài sản tham nhũng và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng chống tham nhũng". Tuy nhiên lại không quy định rõ ai là người tham nhũng? mà chỉ quy định "người có hành vi tham nhũng", "người" trong điều luật này có phải là bất cứ ai, bất cứ công dân nào hay không? Tôi nhận thấy: quy định như vậy là chưa rõ ràng còn tránh né mà không chỉ rõ ra "người" có hành vi tham nhũng là ai để điều chỉnh.

Nói đến tham nhũng thì đại đa số nhân dân đều biết rằng: chỉ người có chức, và quyền trong xã hội mới có điều kiện để tham nhũng và họ mới là người

tham nhũng. Vấn đề này, trong Điều 1 Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998 đã quy định như sau: "Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để tham ô, hối lộ hoặc cố ý làm trái pháp luật vi động cơ vụ lợi, gây thiệt hại cho tài sản Nhà nước, tập thể và cá nhân, xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan tổ chức...". Trong Điều 2 Pháp lệnh Chống tham nhũng năm 1998 quy định rõ người có chức vụ, quyền hạn là những người nào? Nội dung quy định trong Điều 1 và Điều 2 Pháp lệnh Chống tham nhũng năm 1998 là rõ ràng về người có hành vi tham nhũng, là người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, cơ quan, đơn vị thuộc quân đội nhân dân; Công an nhân dân theo quy định của Pháp lệnh cán bộ công chức.

Do đó cần bổ sung đối tượng điều

chính vào Điều 1 của dự án Luật PCTN và điều luật có nội dung như sau:

Luật này quy định về các biện pháp phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng xử lý nghiêm minh người có chức, có quyền hạn trong cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật có hành vi tham nhũng, để xảy ra tham nhũng, tài sản tham nhũng và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng chống tham nhũng.

QUY ĐỊNH VỀ KÊ KHAI TÀI SẢN CHƯA CHẶT CHẼ

Minh bạch tài sản, thu nhập của người có chức, có quyền đang là vấn đề mà xã hội quan tâm đến và cần làm rõ. Một thực tế hiển hiện là: Lương hàng tháng của cán bộ công chức nói chung là không đủ để nuôi mình và một người ăn theo là con, cha, mẹ. Nhưng không ít người có chức, có quyền có nhà cửa to đẹp, hàng hoàng, không phải chỉ có một nhà mà có hơn một nhà; tiện nghi sinh hoạt trong gia đình là loại đất tiền, chi tiêu sinh hoạt hàng ngày là hơn hẳn mức tiền lương được hưởng mà không được lý giải về sự phồn vinh đó và đã tạo nên sự phân hóa giàu, nghèo trong cán bộ, công chức.

Trong dự án luật PCTN có quy định việc kê khai tài sản, kê khai thu nhập đối với cán bộ công chức và coi đây là một biện pháp phòng chống tham nhũng. Tôi nhận thấy quy định này là cần thiết, vì đây là một trong nhiều biện pháp phòng chống tham nhũng mà nhiều quốc gia đã làm.

Tuy nhiên tôi nhận thấy có một số vấn đề cần cân nhắc kỹ lưỡng hơn để đạt được mục đích của việc kê khai tài sản, kê khai thu nhập.

Một là: Những người có nghĩa vụ kê khai được quy định tại Điều 43 có quá rộng rãi không? Cụ thể là:

Trong Điều 43 của dự án quy định công nhân quốc phòng, hạ sỹ quan công an là người có nghĩa vụ kê

khai tài sản. Số người này không phải là ít và có người phục vụ có thời hạn như: hạ sỹ quan công an. Tôi nhận thấy cần thu hẹp người có nghĩa vụ kê khai tài sản.

Hai là: Tài sản phải kê khai.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Dự án Luật PCTN thì, tài sản phải kê là tài sản của vợ hoặc chồng và con trong cùng một sổ hộ khẩu. Tôi nhận thấy quy định này là không phù hợp với quy định về tài sản trong Luật hôn nhân và gia đình ở chỗ: Điều 27, Điều 29 và Điều 41 Luật hôn nhân và gia đình có quy định rõ tài sản chung của vợ chồng, có quy định vợ, chồng, và con có quyền có tài sản riêng. Ví dụ con cùng chung sổ hộ khẩu với cha mẹ mà người con được thưởng hoặc được tặng một tài sản là một ô tô có giá trị 300 triệu đồng thì đây là tài sản riêng của con chứ không phải là tài sản của cha mẹ.

Ba là: Không quy định loại tài sản không phải kê khai và không quy định việc trình bày nguồn gốc tài sản trong lần kê khai tài sản lần đầu là không chặt chẽ, không rõ ràng. Trong khoản 2 Điều 44 của Dự án luật quy định tài sản kê khai là: "tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng trở lên hoặc tổng giá trị của tài sản cùng loại từ năm mươi triệu đồng trở lên". Quy định này là quá chung chung, không rõ ràng. Ví dụ: Những chậu cây cảnh (kiểng) hoặc các tài sản là đồ thờ cúng có tổng giá trị là từ năm mươi triệu đồng trở lên có phải kê khai không?

Do đó tôi đề nghị: Cần quy định về tài sản của người có nghĩa vụ kê khai phải phù hợp với quy định về tài sản trong Luật hôn nhân và gia đình. Quy định rõ tài sản nào không phải kê khai và việc trình bày về nguồn gốc tài sản kê khai trong lần kê khai đầu tiên.

Về người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản chỉ nên quy định người có mức lương từ bao nhiêu trở lên hoặc người giữ chức vụ nào trở lên phải kê khai tài sản lần đầu ■

Thực hành tiết kiệm chống lãng phí là vấn đề được các quốc gia trên thế giới hết sức quan tâm, nhất là đối với các nước đang trên đà phát triển. Việc sử dụng vốn, tài sản, tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý đạt hiệu quả chất lượng trong sản xuất sinh hoạt, nói lên trình độ dân trí, sự phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia. Đối với nước ta hiện nay việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí phải được xem là chính sách hàng đầu. Nó vừa là bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam (căn cứ tiết kiệm) vừa là xu hướng tiến bộ của nhân loại.

Trong phạm vi bài viết, tôi xin được đề cập tới việc giải thích từ ngữ trong điều 4 dự án Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

1. Tiết kiệm là việc giảm bớt hao phí trong việc sử dụng tiền, tài sản, lao động, thời gian lao động, tài nguyên thiên nhiên, nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định; đối với việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên thiên nhiên ở những lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì tiết kiệm là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức tiêu chuẩn chế độ, nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định hoặc sử dụng đúng định mức tiêu chuẩn, chế độ nhưng đạt cao hơn mục tiêu đã định.

2. Lãng phí là việc quản lý, sử dụng tiền, tài sản, lao động thời gian lao động và tài nguyên thiên nhiên không hiệu quả; đối với các lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì lãng phí là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên thiên nhiên vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc không đạt mục tiêu đã định.

Trên cơ sở ngữ nghĩa theo truyền thống, lý luận thực tiễn tôi cho rằng cần bàn luận để hiểu từ ngữ "Tiết Kiệm, Lãng phí" một cách khoa học và phù hợp với thuật ngữ mang tính pháp lý trong Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Theo Đại từ điển tiếng Việt thì: - Tiết kiệm là giảm bớt hao phí không cần thiết, tránh lãng phí trong sản xuất sinh hoạt;

Lãng phí là làm tiêu hao vật chất vào